

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NHUẬN PHÚ TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1617 /QĐ-UBND

Nhuận Phú Tân, ngày 10 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách
xã Nhuận Phú Tân 6 tháng đầu năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NHUẬN PHÚ TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho từng cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nhuận Phú Tân về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nhuận Phú Tân về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 573/TTr-PKT ngày 09 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã Nhuận Phú Tân 6 tháng đầu năm 2026 (Kèm theo các phụ lục công khai).

Điều 2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

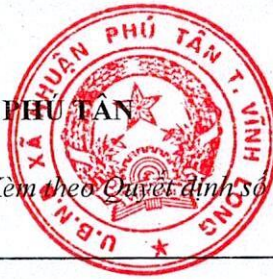
- Như Điều 2;
- Sở Tài chính;
- TT Đảng ủy xã;
- UBMTTQVN xã;
- TT HĐND, TT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Các trường ấp trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Vũ

UBND XÃ NHUẬN PHÚ TÂN



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 so (%)	
			Từ tháng 4 - 6 năm 2026	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13.410.000.000	5.344.764.099	15.371.825.933	114,63%	
I	Thu nội địa	13.410.000.000	5.344.764.099	15.371.825.933	114,63%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	140.103.000.000	61.201.296.725	127.057.048.053	90,69%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	13.160.000.000	2.650.457.331	8.924.984.659	67,82%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.990.000.000	893.315.979	1.160.514.889	58,32%	
2	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	11.170.000.000	1.757.141.352	7.764.469.770	69,51%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	126.943.000.000	40.424.480.931	100.005.704.931	78,78%	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	110.333.000.000	27.583.248.000	55.165.504.000	50,00%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	16.610.000.000	12.841.232.931	44.840.200.931	269,96%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		18.126.358.463	18.126.358.463		
C	TỔNG CHI NSDP	140.103.000.000	39.956.221.886	72.697.298.458	51,89%	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	140.103.000.000	39.956.221.886	72.697.298.458	51,89%	
1	Chi đầu tư phát triển	3.000.000.000			0,00%	
2	Chi thường xuyên	134.633.000.000	39.956.221.886	72.697.298.458	54,00%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 so (%)	
			Từ tháng 4 - 6 năm 2026	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
7	Dự phòng NSNN	2.470.000.000			0,00%	
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					



KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 so (%)	
			Từ tháng 4 - 6 năm 2026	Lũy kế	Dự toán năm 2026	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13.410.000.000	5.344.764.099	15.371.825.933	114,63%	
I	Thu nội địa	13.410.000.000	5.344.764.099	15.371.825.933	114,63%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	100.000.000	51.775.591	69.025.366	69,03%	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN		0	1.111.591.128		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	10.340.000.000	1.376.879.238	6.841.744.415	66,17%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	830.000.000	1.535.698.894	2.673.177.650	322,07%	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	1.010.000.000	1.076.665.476	2.232.797.867	221,07%	
	Tráo: Lệ phí trước bạ	500.000.000	943.244.455	1.970.780.846	394,16%	
7	Các khoản thu về nhà, đất	130.000.000	642.764.117	1.719.330.269	1322,56%	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	130.000.000	4.143.596	4.769.348	3,67%	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		109.521	109.521		
-	Thu tiền sử dụng đất		638.511.000	1.714.451.400		
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển		1.534.752	1.534.752		
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	1.000.000.000	659.446.031	722.624.486	72,26%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	13.160.000.000	2.650.457.331	8.924.984.659	67,82%	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NS tỉnh và NS xã	11.170.000.000	1.757.141.352	7.764.469.770	69,51%	
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.990.000.000	893.315.979	1.160.514.889	58,32%	

UBND XÃ NHUẬN PHÚ TÂN



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 10/11/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 so (%)	
			Từ tháng 4 - 6 năm 2026	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	140.103.000.000	39.956.221.886	72.697.298.458	51,89%	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	140.103.000.000	39.956.221.886	72.697.298.458	51,89%	
I	Chi đầu tư phát triển	3.000.000.000	0	0	0,00%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	3.000.000.000	0	0	0,00%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	134.633.000.000	39.956.221.886	72.697.298.458	54,00%	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	78.268.000.000	18.880.160.741	35.518.650.224	45,38%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	2.470.000.000			0,00%	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính giãn biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

UBND XÃ NHUẬN PHÚ TÂN



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026
của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách xã		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2
	Tổng số	2.470.000.000	0	2.470.000.000
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên			

UBND XÃ NHUẬN PHÚ TÂN



**KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NĂM 2025
CHUYỂN SANG NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 167 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026
của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số	10.592.083.470	6.503.673.851	4.088.409.619
1	Giảm bội chi, tăng chi trả nợ			
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách	1.000.000.000	500.000.000	500.000.000,0
3	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	5.306.871.603	4.718.461.984	588.409.619
4	Chi đầu tư một số dự án quan trọng	2.700.000.000	700.000.000	2.000.000.000
5	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội	1.585.211.867	585.211.867	1.000.000.000



PHUYẾT MINH

**Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã Nhuận Phú Tân
6 tháng đầu năm 2026**

(Kèm theo Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026
của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho từng cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nhuận Phú Tân về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nhuận Phú Tân về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ tình hình thu, chi thực tế 6 tháng đầu năm 2026 trên địa bàn xã Nhuận Phú Tân.

Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã Nhuận Phú Tân 6 tháng đầu năm 2026, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THU NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Tổng thu ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2026: 127.057.048.053 đồng/140.103.000.000 đồng, đạt 90,69% so với dự toán được giao, gồm:

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: thực hiện 15.371.825.933 đồng/13.410.000.000 đồng, đạt 114,63% so dự toán được giao, trong đó: thu ngân sách xã được hưởng 8.924.984.659 đồng/13.160.000.000 đồng, đạt 67,82% so với dự toán được giao, cụ thể:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là 6.820.112.096 đồng/10.340.000.000 đồng, đạt 66% so dự toán tỉnh và Hội đồng nhân dân xã quyết định. Nguồn thu này đạt khá cao so dự toán do một số doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã nộp thuế thuộc ngân sách xã được hưởng theo Nghị quyết số

06/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Bên cạnh đó, cơ quan Thuế triển khai đồng bộ các giải pháp thu thuế; tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, từng bước tích hợp đưa hoạt động quản lý thuế lên môi trường số, cung cấp dịch vụ thuế dựa trên công nghệ số; mở rộng quản lý hóa đơn điện tử; vận hành tốt Cổng thông tin điện tử dành cho hộ kinh doanh đăng ký, kê khai, nộp thuế.

- Thu từ Thuế thu nhập cá nhân: 944.357.674 đồng/830.000.000 đồng, đạt 114% so dự toán tỉnh và Hội đồng nhân dân xã quyết định. Tính đến 30/6/2026, nguồn thu này đã vượt dự toán được giao do các đơn vị doanh nghiệp và cá nhân thuộc đối tượng chịu thuế thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.

- Thu từ Lệ phí trước bạ: 440.073.766 đồng/500.000.000 đồng, đạt 88% so dự toán tỉnh và Hội đồng nhân dân xã quyết định.

- Thu từ phí, lệ phí: 170.881.360 đồng/410.000.000 đồng, đạt 42% so dự toán tỉnh và Hội đồng nhân dân xã quyết định. Nguồn thu này thu đạt thấp hơn so dự toán do thực tế phát sinh tại địa phương.

- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 4.682.948 đồng/130.000.000 đồng, đạt 4% so dự toán tỉnh và Hội đồng nhân dân xã quyết định. Nguồn thu này thu đạt rất thấp so dự toán do cơ quan thuế đang phối hợp với Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện phương thức nộp tiền trong nhân dân.

- Thu khác ngân sách: 544.876.815 đồng/950.000.000 đồng, đạt 57% so dự toán tỉnh và Hội đồng nhân dân xã quyết định.

2. Thu chuyển giao ngân sách: 100.005.704.931 đồng, trong đó:

- Bổ sung cân đối ngân sách: 55.165.504.000 đồng.

- Bổ sung có mục tiêu: 44.840.200.931 đồng. Trong đó, ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu đầu năm 2026 để thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội: 8.305.004.000 đồng/16.610.000.000 đồng; ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách xã trong 6 tháng đầu năm 2026 để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm như sau: kinh phí phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng năm 2026; Kinh phí thực hiện kiến thiết thị chính, cây xanh, chiếu sáng công cộng cho các xã, phường (nhóm 2 - Đô thị loại III); Kinh phí thực hiện duy tu, sửa chữa các công trình cho các xã, phường (nhóm 2); Kinh phí thường xuyên sự nghiệp y tế, dân số và gia đình; Kinh phí chi công tác quản lý thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng 06 tháng đầu năm 2026; Kinh phí chi thường xuyên cho Ủy ban nhân dân các xã, phường - kinh phí biên chế Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công; Kinh phí thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của các xã, phường theo Quyết định số 939/QĐ-UBND; Kinh phí bảo đảm cho Tiểu đội Dân quân Thường trực thuộc Ban Chỉ huy Quân sự xã.

3. Thu chuyển nguồn: 18.126.358.463 đồng

4. Thu kết dư ngân sách: 0 đồng

II. KẾT QUẢ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Trong 6 tháng đầu năm 2026, ngân sách xã đã thực hiện các nhiệm vụ chi trong dự toán được giao, ưu tiên thực hiện chính sách an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh, giáo dục - đào tạo và thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất.

Tổng chi ngân sách xã: **72.697.298.458 đồng/140.103.000.000 đồng**, đạt 51,89% so với dự toán được giao, cụ thể như sau:

1. Chi đầu tư phát triển: trong 6 tháng đầu năm 2026, xã Nhuận Phú Tân chưa thực hiện giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản, đang triển khai thực hiện các bước theo quy trình theo quy định.

2. Chi thường xuyên

Tổng chi: 72.697.298.458 đồng/134.633.000.000 đồng (bao gồm chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội), đạt 54% so dự toán được giao, trong đó:

- Chi quốc phòng: 672.359.094 đồng/1.369.000.000 đồng, đạt 49% so dự toán được giao.

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: 919.040.000 đồng/2.331.000.000 đồng, đạt 39% so dự toán được giao.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 35.518.650.224 đồng/78.268.000.000 đồng, đạt 45,38% so dự toán được giao.

- Chi sự nghiệp y tế: 3.648.016.685 đồng/1.450.000.000 đồng (bao gồm bảo hiểm y tế các đối tượng bảo trợ xã hội; các đối tượng tham gia kháng chiến; lương, phụ cấp và hoạt động Trạm y tế xã), đạt 252% so dự toán được giao. Nguyên nhân chi cao so với dự toán được giao do trong năm do ngân sách tỉnh bổ sung kinh phí chi mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng ưu đãi người có công trên địa bàn xã.

- Chi khoa học và công nghệ: 9.768.000 đồng.

- Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin: 19.390.000 đồng/298.000.000 đồng, đạt 7% so dự toán được giao.

- Chi sự nghiệp phát thanh: 18.160.000 đồng/274.000.000 đồng, đạt 7% so dự toán được giao.

- Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: 1.350.000 đồng/101.000.000 đồng, đạt 1% so dự toán được giao.

- Chi sự nghiệp môi trường: 151.926.246 đồng/535.000.000 đồng, đạt 28% so dự toán được giao.

- Chi các hoạt động kinh tế: 50.139.490 đồng/4.172.000.000 đồng, đạt 1% so dự toán được giao.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể: 13.894.669.035 đồng/29.210.432.939 đồng, đạt 48% so dự toán được giao.

- Chi bảo đảm xã hội: 17.793.829.684 đồng/16.165.000.000 đồng, đạt 110% so dự toán. Nguyên nhân chi cao so với dự toán được giao do trong năm

do ngân sách tỉnh bổ sung kinh phí chi trả các chế độ cho các đối tượng ưu đãi người có công trên địa bàn xã.

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH XÃ

1. Nguồn kinh phí dự phòng ngân sách xã phân bổ đầu năm 2026: 2.470.000.000 đồng.

2. Nguồn kinh phí dự phòng bổ sung từ nguồn 30% tăng thu ngân sách xã năm 2025 và dự toán chi còn lại của ngân sách xã năm 2025 chuyển sang năm 2026: 1.000.000.000 đồng (từ nguồn 30% tăng thu ngân sách xã năm 2025 chuyển sang năm 2026: 500.000.000 đồng, dự toán chi còn lại của ngân sách xã năm 2025 chuyển sang năm 2026: 500.000.000 đồng).

Tổng nguồn dự phòng ngân sách xã năm 2026 (1+2): 3.470.000.000 đồng.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân chưa sử dụng nguồn dự phòng ngân sách xã.

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SỬ DỤNG NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG

1. **Nguồn cải cách tiền lương tại ngân sách cấp xã (10% tiết kiệm hoạt động thường xuyên đầu năm 2026):** dự toán 1.932.000.000 đồng; ngày 04/02/2026, Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân đã sử dụng chi giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ (đợt 1 năm 2026) với tổng số tiền 707.721.219 đồng (trường Mầm non Khánh Thạnh Tân 218.836.800 đồng, trường Tiểu học và Trung học cơ sở Võ Thị Giàu 488.884.419 đồng); còn lại 1.224.278.781 đồng

2. **Nguồn cải cách tiền lương từ dự toán năm 2025 chuyển sang năm 2026: 5.499.064.224 đồng, cụ thể như sau:**

- Dự toán nguồn cải cách tiền lương còn lại năm 2025 chuyển sang năm 2026: 621 đồng.

- Nguồn cải cách tiền lương từ giảm biên chế SN giáo dục năm 2025 so với năm 2024: 192.192.000 đồng.

- 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2025 dành tạo nguồn CCTL năm 2026: 4.552.571.696 đồng.

- Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương từ 30% tăng thu NSDP năm 2025 còn lại: 165.890.288 đồng.

- Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương từ dự toán chi còn lại ngân sách xã năm 2025 (bao gồm hoàn trả nguồn CCTL do xã NPT cũ còn nợ 644.398 đồng): 588.409.619 đồng.

Tổng nguồn cải cách tiền lương còn lại tính đến ngày 30/6/2026, nguồn cải cách tiền lương tại cấp ngân sách xã: 6.723.343.005 đồng.

V. KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NĂM 2025 CHUYỂN SANG NĂM 2026

Ngày 06/3/2026, Ủy ban nhân dân xã phê duyệt chi chuyển nguồn ngân sách xã năm 2025 sang năm 2026 đối với tăng thu ngân sách địa phương thực hiện so với dự toán năm 2025, các nội dung chi chuyển nguồn ngân sách xã theo quy định và dự toán chi còn lại của ngân sách xã năm 2025 với số tiền 18.126.358.463 đồng tại Công văn số 793/UBND-KT, cụ thể như sau:

- Tình hình thực hiện kinh phí chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026 đối với tăng thu ngân sách địa phương thực hiện so với dự toán năm 2025: dự toán 6.503.673.851 đồng, đã thực hiện phân bổ 700.000.000 đồng, còn lại tại cấp ngân sách 5.803.673.851 đồng.

(chi tiết kèm theo bảng tổng hợp)

- Tình hình thực hiện kinh phí chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026 đối với các nội dung chi chuyển nguồn ngân sách xã theo quy định: dự toán 7.534.274.993 đồng, đã thực hiện phân bổ và đơn vị thực hiện chi 1.486.810.270 đồng, dự toán còn lại 6.047.464.723 đồng.

(chi tiết kèm theo bảng tổng hợp)

- Tình hình thực hiện kinh phí chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026 đối với dự toán chi còn lại của ngân sách xã năm 2025: 4.088.409.619 đồng, đã thực hiện phân bổ 2.000.000.000 đồng, còn lại tại cấp ngân sách 2.088.409.619 đồng

(chi tiết kèm theo bảng tổng hợp)

VI. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Trong 6 tháng đầu năm 2026, cả hệ thống chính trị trên địa bàn xã Nhuận Phú Tân đã tập trung thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể đạt và vượt Nghị quyết năm 2026, trong đó có chỉ tiêu thu chi ngân sách. Công tác quản lý, điều hành thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã có chuyển biến tích cực; thu ngân sách nhà nước một số chỉ tiêu vượt dự toán được giao; công tác quản lý chi ngân sách được thực hiện chặt chẽ, theo quy trình, đúng nguyên tắc, chế độ hiện hành. Ưu tiên thực hiện chính sách an sinh xã hội; quốc phòng, an ninh, giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi cũng còn những khó khăn, hạn chế nhất định như hạn mặn ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân nhưng xã luôn được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở ngành tỉnh, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Đảng ủy; sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ toàn hệ thống chính trị các cấp đã nỗ lực cùng xã trong thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2026 đạt kết quả khả quan.

Trong điều hành quản lý chi ngân sách, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chặt chẽ tài chính - ngân sách, ưu tiên thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, giáo dục và đào tạo, tập trung thực hiện các nhiệm vụ cần thiết. Ngoài ra, ngay từ đầu năm 2026, khi phân bổ dự toán Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện giữ lại 10% tiết kiệm hoạt động thường

xuân thực hiện cải cách tiền lương và 10% tiết kiệm hoạt động thường xuyên thực hiện chính sách an sinh xã hội theo quy định với số tiền 3.864.000.000 đồng. Căn cứ Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân xã đã tổng hợp số tiết kiệm trên 5% chi thường xuyên năm 2026 thuộc các lĩnh vực theo quy định với số tiền 642.118.000 đồng.

Trên đây là Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã Nhuận Phú Tân 6 tháng đầu năm 2026./.





**PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NGUỒN DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
SANG NĂM 2026 THỰC HIỆN**

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng	4.088.409.619	
1	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách trong phạm vi quy định	500.000.000	Chưa phân bổ, còn tại cấp ngân sách
2	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	588.409.619	Chưa phân bổ, còn tại cấp ngân sách
3	Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng, như sau:	2.000.000.000	
-	Xây dựng cầu Kinh (trên đường ĐX.02 liên xã Khánh Thạnh Tân - Tân Bình cũ), xã Nhuận Phú Tân	1.200.000.000	Đã phân bổ, chưa giải ngân
-	Xây dựng Bến phà tạm tại Bến phà cũ (chờ khi kêu gọi đầu tư Bến phà mới theo quy hoạch)	700.000.000	Đã phân bổ, chưa giải ngân
-	Đường ĐC.06 (đoạn 2) (đoạn từ ĐN.11 - ĐC.06), xã Nhuận Phú Tân	100.000.000	Đã phân bổ, chưa giải ngân
4	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội (phân bổ chi tiết khi có phát sinh thực tế)	1.000.000.000	Chưa phân bổ, còn tại cấp ngân sách

Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ không trăm tám mươi tám triệu bốn trăm lẻ chín ngàn sáu trăm mười chín đồng



**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ SỐ TĂNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
SANG NĂM 2026 THỰC HIỆN**

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
	Tăng thu ngân sách địa phương so với dự toán năm 2025	6.503.673.851	
I	70% tăng thu NSDP năm 2025 dành để tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2026	4.552.571.696	Chưa phân bổ, còn tại cấp ngân sách
II	Phân bổ 30% tăng thu NSDP năm 2025 còn lại, cụ thể như sau:	1.951.102.155	
1	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách trong phạm vi quy định	500.000.000	Chưa phân bổ, còn tại cấp ngân sách
2	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	165.890.288	Chưa phân bổ, còn tại cấp ngân sách
3	Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng, như sau:	700.000.000	
-	Xây dựng cầu Kinh (trên đường ĐX.02 liên xã Khánh Thanh Tân - Tân Bình cũ), xã Nhuận Phú Tân	300.000.000	Đã phân bổ, chưa giải ngân
-	Xây dựng Bến phà tạm tại Bến phà cũ (chờ khi kêu gọi đầu tư Bến phà mới theo quy hoạch)	300.000.000	Đã phân bổ, chưa giải ngân
-	Đường ĐC.06 (đoạn 2) (đoạn từ ĐN.11 - ĐC.06), xã Nhuận Phú Tân	100.000.000	Đã phân bổ, chưa giải ngân
4	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội (phân bổ chi tiết khi có phát sinh thực tế)	585.211.867	Chưa phân bổ, còn tại cấp ngân sách

Tổng số tiền bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm lẻ ba triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm năm mươi một đồng



**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KINH PHÍ CHUYỂN NGUỒN DỰ TOÁN NĂM 2025 SANG NĂM 2026 XÃ NHUẬN PHÚ TÂN
ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG THEO QUY ĐỊNH**

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị/Nội dung	Tổng cộng	Số dư tại thời điểm 31/12 được chuyển sang năm sau			Đã phân bổ/Đơn vị đã sử dụng đến 30/6/2026	Dự toán còn lại đến 30/6/2026	Ghi chú
			Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	Cam kết chi			
I	Chương trình MTQG XD NTM và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (theo quy định tại Mục 9 Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội)	966.531.708	966.531.708	-	-	-	966.531.708	
1.1	Chương trình MTQG XD NTM (Chuyển nguồn tại các đơn vị)	447.890.848	447.890.848	-	-	-	447.890.848	
a	Vốn Ngân sách Trung ương	270.110.000	270.110.000	-	-	-	270.110.000	
-	Phòng Kinh tế (Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới; Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, tuyên truyền; triển khai phong trào "cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới" - Mã CT MTQG 10502	35.110.000	35.110.000	-	-	-	35.110.000	
-	Phòng Văn hóa - Xã hội (Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, XD nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; chi thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong XD nông thôn mới, hướng tới NTM thông minh) - Mã CT MTQG 10498	75.000.000	75.000.000			-	75.000.000	
-	Phòng Văn hóa - Xã hội (Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch nông thôn: Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở - Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, ấp và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, ấp) - Mã CT MTQG 10496	160.000.000	160.000.000			-	160.000.000	
b	Vốn Ngân sách Tỉnh	177.780.848	177.780.848	-	-	-	177.780.848	



STT	Đơn vị/Nội dung	Tổng cộng	Số dư tại thời điểm 31/12 được chuyển sang năm sau			Đã phân bổ/Đơn vị đã sử dụng đến 30/6/2026	Dự toán còn lại đến 30/6/2026	Ghi chú
			Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	Cam kết chi			
-	Phòng Kinh tế (Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, XD nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; chỉ thực hiện chương trình chuyển đổi số trong XD nông thôn mới, hướng tới NTM thông minh) - Mã CT MTQG 20498	30.000.000	30.000.000	-	-	-	30.000.000	
-	Phòng Kinh tế (Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới; Chỉ nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng) - Mã CT MTQG 20502	102.780.848	102.780.848			-	102.780.848	
-	Phòng Văn hóa - Xã hội (Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, XD nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; chỉ thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong XD nông thôn mới, hướng tới NTM thông minh) - Mã CT MTQG 20498	45.000.000	45.000.000	-	-	-	45.000.000	
1.2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (chuyển nguồn tại đơn vị)	518.640.860	518.640.860	-	-	-	518.640.860	
a	Vốn ngân sách Trung ương	518.640.860	518.640.860	-	-	-	518.640.860	
-	Phòng Kinh tế - Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin - Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều - Mã CT MTQG: 10476	-	-					Điều chỉnh chuyển sang thực hiện Dự án 3 - Tiểu dự án 1 tại QĐ 1430/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND xã Nhuận Phú Tân: 136 trđ
-	Phòng Kinh tế - Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình - Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình - Mã CT MTQG: 10477	-	-					Điều chỉnh chuyển sang thực hiện Dự án 3 - Tiểu dự án 1 tại QĐ 1430/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND xã Nhuận Phú Tân: 146,07 trđ

STT	Đơn vị/Nội dung	Tổng cộng	Số dư tại thời điểm 31/12 được chuyển sang năm sau			Đã phân bổ/Đơn vị đã sử dụng đến 30/6/2026	Dự toán còn lại đến 30/6/2026	Ghi chú
			Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	Cam kết chi			
-	Phòng Kinh tế - Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình - Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá - Mã CT MTQG: 10477	36.570.860	36.570.860			-	36.570.860	Điều chỉnh chuyển sang thực hiện Dự án 3 - Tiểu dự án 1 tại QĐ 1430/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND xã Nhuận Phú Tân: 200 trđ
-	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng - Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp - Mã CT MTQG: 10473	482.070.000	482.070.000			-	482.070.000	Tăng Nội dung Dự án 3 - Tiểu dự án 1 theo QĐ 1430/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND xã Nhuận Phú Tân: 482,07 trđ
b	Vốn ngân sách Tỉnh	-	-					
II	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội	272.237.621	272.237.621	-	-	9.845.000	262.392.621	
1	Chính sách phát triển giáo dục mầm non Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ: hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi	3.845.000	3.845.000	-	-	3.845.000	-	Đã bổ sung dự toán cho Trường MN Khánh Thạnh Tân thực hiện hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mầm non từ 3-5 tuổi tại QĐ số 1295/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND xã Nhuận Phú Tân
	Trường MN KTT	1.125.000	1.125.000					
	Trường MN NPT	2.720.000	2.720.000					
2	Chính sách giáo dục: Hỗ trợ chi phí học tập; cấp bù miễn, giảm học phí)	6.000.000	6.000.000	-	-	6.000.000		Đã bổ sung dự toán cho Trường TH Nhuận Phú Tân 2 thực hiện chi hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh tại QĐ số 1295/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND xã Nhuận Phú Tân
-	Hỗ trợ chi phí học tập (chuyển nguồn tại cấp NS)	6.000.000	6.000.000	-	-			
+	Trường MN NPT	600.000	600.000					
+	Trường TH và THCS Võ Thị Giàu	1.200.000	1.200.000					
+	Tồn tại cấp ngân sách	4.200.000	4.200.000					
-	Kinh phí cấp bù tiền miễn học phí	-	-	-	-			
-	Kinh phí cấp bù tiền giảm học phí	-	-					
3	Chế độ phụ cấp: Dân quân cơ động làm nhiệm vụ thường trực ở cấp xã được hưởng chế độ tiền ăn bằng 0,1 mức lương cơ sở hiện hành/người thực hiện trực/một ngày đêm và hưởng theo số ngày đêm trực thực tế theo NQ số 28/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Bến Tre	70.200.000	70.200.000				70.200.000	chuyển nguồn tại cấp ngân sách
4	Nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp xã	192.192.621	192.192.621	-	-		192.192.621	Chuyển nguồn tại cấp ngân sách
III	Nguồn giao tự chủ (Nguồn 13)	2.454.852.464	2.454.852.464	-	-	3.787.482	2.451.064.982	

STT	Đơn vị/Nội dung	Tổng cộng	Số dư tại thời điểm 31/12 được chuyển sang năm sau			Đã phân bổ/Đơn vị đã sử dụng đến 30/6/2026	Dự toán còn lại đến 30/6/2026	Ghi chú
			Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	Cam kết chỉ			
1	Trường THCS Nguyễn Văn Xiếu	433.294.832	433.294.832	-	-	-	433.294.832	
2	Trường THCS Nguyễn Văn Bánh	28.344.944	28.344.944	-	-	-	28.344.944	
3	Trường TH và THCS Võ Thị Giàu	-	-	-	-	-	-	
4	Trường TH Nhuận Phú Tân 1	398.789.891	398.789.891			-	398.789.891	
5	Trường TH Nhuận Phú Tân 2	8.106.345	8.106.345			-	8.106.345	
6	Trường TH Khánh Thạnh Tân 1	676.627.460	676.627.460			-	676.627.460	
7	Trường TH Khánh Thạnh Tân 2	121.333.189	121.333.189	-	-	-	121.333.189	
8	Trường MN Tân Thanh Tây	3.787.482	3.787.482	-	-	3.787.482	-	
9	Trường MN Khánh Thạnh Tân	159.638.151	159.638.151	-	-	-	159.638.151	
10	Trường MN Nhuận Phú Tân	463.838.574	463.838.574	-	-	-	463.838.574	
11	Văn phòng HDND và UBND xã	114.255.078	114.255.078			-	114.255.078	
12	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	27.311.000	27.311.000			-	27.311.000	
13	Văn phòng Đảng ủy xã	19.525.518	19.525.518			-	19.525.518	
IV	Các khoản dự toán bổ sung sau 30/9/2025	3.779.227.700	3.779.227.700	-	-	1.473.177.788	2.306.049.912	
1	Trường MN Tân Thanh Tây	300.160.000	300.160.000	-	-	298.959.842	1.200.158	
-	Kinh phí lát gạch vỉa hè và lợp mái che sân trường điểm chính	300.000.000	300.000.000			298.959.842	1.040.158	Dự toán còn lại sẽ nộp trả NS cấp trên theo quy định
-	Chính sách giáo dục: cấp bù miễn học phí	160.000	160.000				160.000	
2	Trường TH Nhuận Phú Tân 1 (kinh phí sửa nhà vệ sinh học sinh Điểm chính ấp Giồng Chùa: sơn, lát nền, thay bồn cầu hư hỏng)	200.000.000	200.000.000			-	200.000.000	
3	Phòng Kinh tế	2.249.786.000	2.249.786.000	-	-	148.686.246	2.101.099.754	
-	Kinh phí lập quy hoạch chung nông thôn xã Nhuận Phú Tân	2.000.000.000	2.000.000.000			-	2.000.000.000	
-	Kinh phí lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025	149.786.000	149.786.000			148.686.246	1.099.754	Dự toán còn lại sẽ nộp trả NS cấp trên theo quy định
-	Chi đầu tư phát triển	100.000.000	100.000.000				100.000.000	
+	Xây dựng cầu Kinh (trên đường ĐX.02 liên xã Khánh Thạnh Tân - Tân Bình cũ), xã Nhuận Phú Tân - 8174714	30.000.000	30.000.000				30.000.000	
+	Đường ĐC. 06 (đoạn 2) (đoạn từ ĐN.11 - ĐC.06), xã Nhuận Phú Tân - 8174715	30.000.000	30.000.000				30.000.000	
+	Xây dựng Bến phà tạm tại Bến phà cũ (chờ khi kêu gọi đầu tư Bến phà mới theo quy hoạch) - 8174716	40.000.000	40.000.000				40.000.000	
4	Phòng Văn hóa - Xã hội	1.029.281.700	1.029.281.700	-	-	1.025.531.700	3.750.000	
-	Chính sách hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ; Nghị định 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024: Bảo hiểm y tế các đối tượng bảo trợ xã hội	16.818.400	16.818.400			16.818.400	-	
-	Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách	3.750.000	3.750.000				3.750.000	

